

VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO THANH NIÊN HIỆN NAY

ThS PHAN NGUYỄN THÁI - NGUYỄN VĂN BUỒM*

1. Vài nét về tình hình lao động, nghề nghiệp của thanh niên hiện nay.

Trong những năm qua (2001-2006), số lượng thanh niên tham gia hoạt động kinh tế thường xuyên tăng không đáng kể, từ 14 triệu lên 14,9 triệu, chiếm khoảng 60% tổng số thanh niên toàn quốc. So với dân số hoạt động kinh tế cả nước thì lực lượng này đang có xu hướng giảm dần: năm 2001, chiếm 35,6% dân số hoạt động kinh tế trong cả nước, đến năm 2006, giảm xuống còn 33,9%.

Có nhiều lý do giải thích sự giảm dần của lực lượng thanh niên tham gia hoạt động kinh tế so với tổng lực lượng lao động xã hội; trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do số lượng thanh niên được đi học ngày càng tăng. Riêng số thanh niên học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp giai đoạn 2000-2003 tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 1995-2000. Tại các địa bàn khác nhau, tỉ lệ thanh niên tham gia hoạt động kinh tế cũng khác nhau: tỉ lệ thanh niên nông thôn tham gia hoạt động kinh tế cao hơn thanh niên đô thị. Theo kết quả điều tra về lao động việc làm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2006, tỉ lệ thanh niên nông thôn tham gia hoạt động kinh tế là 66,3%; tỉ lệ thanh niên đô thị tham gia hoạt động kinh tế là 52,2%. Có tình trạng trên là do một bộ phận thanh niên nông thôn không có điều kiện hoặc không có khả năng học tiếp trung học, đại học nên phải đi làm sớm.

Bên cạnh đó, thanh niên trong cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động xã hội cả nước cũng đã có những bước chuyển biến tích cực theo hướng giảm dần số lượng lao động trong nông nghiệp, tăng dần lao động

trong công nghiệp và dịch vụ. Năm 1996, cả nước có 69% lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; 10,9% lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và 20,1% lao động làm trong lĩnh vực dịch vụ. Năm 2001, cơ cấu này đã có sự thay đổi, giảm xuống còn 60,5% đối với lao động nông, lâm, ngư nghiệp và tăng ở các ngành công nghiệp là 14,4% và dịch vụ 25,1%. Đến nay, tỉ lệ thanh niên hoạt động kinh tế trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 53,4%, công nghiệp, xây dựng: 24,2% và dịch vụ: 22,4%. Dự báo xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động trên sẽ tiếp tục thay đổi, năm 2010, số lao động trong nông nghiệp chỉ còn khoảng 50%. Ngoài ra, theo kết quả thống kê lao động việc làm từ năm 2001-2006 cho thấy, thời gian gần đây, đã có sự khác biệt về giới trong lực lượng lao động là thanh niên. Trước năm 2004, tỉ lệ lao động nữ thanh niên thường chiếm 49%, đến nay, giảm xuống còn 47%.

Xét theo giới, lao động trong nhóm từ 15-24 tuổi thì tỉ trọng nữ làm công việc dịch vụ cao hơn so với nam giới và cao hơn tỉ lệ chung của toàn thể thanh niên ở nhóm tuổi này. Nguyên nhân là do có một số lượng lớn thanh niên ở nông thôn đã tham gia vào công việc buôn bán nhỏ, nhất là buôn bán các sản phẩm nông nghiệp. Đối với nhóm từ 25 tuổi trở lên thì tỉ lệ nam giới làm trong ngành công nghiệp, xây dựng cao hơn nhiều so với nữ do có sức khỏe tốt hơn.

Hiện nay, quá trình đổi mới kinh tế - xã hội đã tạo điều kiện cho các loại hình kinh tế phát triển, do vậy, vấn đề việc làm và vai trò,

* Học viện Thanh - Thiếu niên Việt Nam.

vị trí của thanh niên có sự thay đổi đáng kể. Theo kết quả điều tra lao động việc làm toàn quốc, chỉ có 9% thanh niên làm việc trong khu vực nhà nước, 17,7% thanh niên làm việc hưởng lương ngoài khu vực nhà nước, 55,3% lao động trong hộ gia đình không hưởng lương, 17% lao động tự do, đặc biệt, có 1% là chủ doanh nghiệp tư nhân...

Nghiên cứu về trình độ chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ của thanh niên tham gia hoạt động kinh tế thường xuyên cho thấy, xét theo góc độ địa lý, trình độ văn hoá của thanh niên ở đô thị cao hơn trình độ văn hoá của thanh niên nông thôn và có sự khác biệt về số thanh niên tốt nghiệp trung học phổ thông ở hai địa bàn (nông thôn là 20,6%, thành thị là 50,5%). Sự cách biệt này ảnh hưởng không nhỏ tới sự tiếp thu nghề nghiệp và cơ hội tìm kiếm việc làm của thanh niên.

Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ngày càng đặt ra yêu cầu phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đảng và Nhà nước cũng đã có những chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm đa dạng hoá các hình thức, mở rộng quy mô đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật cho người lao động, đặc biệt là nguồn lao động trẻ. Bên cạnh hệ thống các trường đại học công lập, Nhà nước còn quan tâm khuyến khích mở rộng thêm các loại hình đại học dân lập, đa dạng hoá các loại hình đào tạo như chính quy và không chính quy. Vì vậy, trình độ chuyên môn kỹ thuật của thanh niên ngày càng được nâng cao. Năm 1999, có 94,1% số thanh niên không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ tham gia hoạt động kinh tế, đến năm 2006, giảm xuống còn 64,4%. Số thanh niên có trình độ kỹ thuật cơ bản từ 1,8% năm 1999 tăng lên 4,3% năm 2006. Số người có trình độ cao đẳng, đại học tăng từ 1,1% năm 1999 lên 4,5% năm 2003 và 6,1% năm 2006. Tuy nhiên, vấn đề sử dụng thanh niên có trình độ học vấn còn nhiều bất cập. Phần lớn thanh niên sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng muốn ở lại thành phố chọn các công việc có thu nhập cao để lập nghiệp. Nhiều nơi, nhiều ngành cần lao động có trình độ chuyên môn cao lại không thu hút được nguồn nhân lực. Mặt khác, theo số liệu tổng điều tra lao động và việc làm năm

2006, chỉ có 10% số thanh niên có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ là quá ít trước yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Vấn đề việc làm của thanh niên.

Theo kết quả điều tra về lao động việc làm hàng năm cho thấy, phần lớn thanh niên có nhu cầu lao động được bố trí hoặc tự kiếm được việc làm. Số thất nghiệp và thiếu việc làm chiếm tỉ lệ không nhiều (xem bảng ở cuối bài).

Như vậy, căn cứ vào các số liệu của bảng có thể thấy, tỉ lệ thanh niên đủ việc làm có xu hướng tăng cả trên toàn quốc, thành thị và nông thôn. Xét theo cơ cấu giới tính, không có sự khác biệt về giới khi xem xét tiêu chí thất nghiệp. Tuy nhiên, tỉ lệ thanh niên nữ thất nghiệp cao hơn mặt bằng chung của cả nước; trong đó, số lao động nữ thanh niên ở nông thôn lại thất nghiệp ít hơn số nữ thanh niên đô thị. Rõ ràng, trong thị trường lao động việc làm ở Việt Nam những năm qua, vấn đề thiếu việc làm thường tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn, còn thất nghiệp chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do quá trình đô thị hoá nhanh, mở rộng nên đất canh tác nông nghiệp ngày càng có xu hướng thu hẹp lại; công nghiệp hoá nông nghiệp đã khiến cho thời gian nông nhàn nhiều hơn... vì thế, thanh niên nông thôn bị đẩy vào thị trường lao động khi họ chưa được trang bị đầy đủ những yêu cầu cần thiết đáp ứng yêu cầu thị trường lao động hiện nay. Trường hợp "nguồn lao động dồi dào nhưng chất lượng chưa cao" ở tỉnh Vĩnh Long là một ví dụ. Các công ty xuất khẩu lao động ở đây nêu lên thực trạng "thừa - thiếu" lao động tại địa phương: trong khi lao động không có việc làm còn nhiều thì các doanh nghiệp tuyển dụng lại khan hiếm nguồn lao động chất lượng cao để tuyển dụng vào làm việc cho đơn vị mình. Thực trạng này không chỉ ở tỉnh Vĩnh Long mà hầu hết khu vực đồng bằng sông Cửu Long đều gặp phải. Nguyên nhân là do trình độ và tay nghề của lao động địa phương thấp, không đáp ứng được nhu

câu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cần công nhân có trình độ sử dụng công nghệ cao.

Những năm qua, trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tình hình việc làm cho người lao động đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên, số người thiếu việc làm trong khu vực nông thôn còn cao, chẳng hạn, đồng bằng sông Hồng (37,8%), Bắc Trung Bộ (33,6%). Xét theo các thành phần kinh tế, số lao động thiếu việc làm chủ yếu thuộc khu vực kinh tế cá thể, tập thể (98,3%). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu việc làm của thanh niên khu vực nông thôn; trong đó, phải kể đến diện tích đất canh tác ít; chậm đổi mới vật nuôi, cây trồng; thiếu vốn để phát triển sản xuất - kinh doanh; trình độ văn hoá, nghề nghiệp còn bất cập so với yêu cầu của thị trường lao động,...

Tình trạng thất nghiệp của thanh niên ở khu vực thành thị trong những năm gần đây dao động từ 5-8%; trong đó, một số tỉnh, thành phố thường có tỉ lệ thất nghiệp cao là Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, ... Kết quả điều tra lao động việc làm toàn quốc năm 2001 cho thấy, thất nghiệp thuộc nhóm tuổi từ 15-24 chiếm 49,5% và nhóm tuổi 25-34 chiếm 25,4% trong tổng số người thất nghiệp của cả nước. Tình trạng thất nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào cấp độ đào tạo và nhóm ngành nghề đào tạo. Vấn đề "thừa mà thiếu" phản ánh nghịch lý trong việc đào tạo hiện nay. Tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, số lượng sinh viên qua đào tạo được tuyển dụng rất ít, trong khi số lượng đã tốt nghiệp ngày càng gia tăng. Nhiều ngành đào tạo khó kiếm việc làm như nông, lâm, thủy sản, ... Theo kết quả tổng hợp gần đây của Viện Nghiên cứu Thanh niên, có tới 88,6% doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng công nhân kỹ thuật, nhưng số người đáp ứng các tiêu chuẩn lại thấp, nơi tuyển được cao nhất cũng chỉ đạt 56,7% nhu cầu. Qua khảo sát 50 doanh nghiệp tại Hà Nội với 33.115 lao động thì 7 doanh nghiệp cho biết số thanh niên được đào tạo từ các trường dạy nghề có trình độ kém hơn nhiều so với yêu cầu thực tế; 43 doanh nghiệp cho biết họ phải đào tạo lại số lao động được tuyển dụng

trong thời gian từ 3 tháng đến 1 năm. Với chất lượng nguồn nhân lực thấp như vậy, khó có thể cạnh tranh trong thị trường lao động trong nước, chưa nói đến sự hội nhập quốc tế. Đây là một trong những khó khăn lớn của thị trường lao động Việt Nam.

3. Các giải pháp giải quyết việc làm cho thanh niên.

Một là, cần xây dựng được các chính sách kinh tế - xã hội vĩ mô, đây là yếu tố quan trọng có tính chất quyết định để ổn định và tạo nhiều việc làm cho thanh niên, đặc biệt là cho số lao động mới. Đó là hệ thống chính sách bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô để duy trì tăng trưởng kinh tế cao và trên diện rộng, nâng cao chất lượng tăng trưởng; đảm bảo quy mô và điều chỉnh cơ cấu đầu tư toàn xã hội trong GDP; giảm thiểu tác động tiêu cực và rủi ro của khủng hoảng kinh tế, lạm phát và thiên tai; bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, ...

Hai là, thực hiện chính sách giải quyết việc làm cho ba nhóm đối tượng: sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học, dạy nghề; thanh niên, học sinh cuối cấp PTCS, PTH; thanh niên thất nghiệp.

Đối với thanh niên đã qua đào tạo, nhất là lao động kỹ thuật có trình độ cao, các kỹ sư, cử nhân, doanh nhân giỏi... cần được sử dụng vào khu vực kinh tế đòi hỏi chất lượng lao động cao. Có chính sách ưu đãi, trọng dụng nhân tài trong thanh niên, ...

Đối với nhóm thanh niên sau khi học hết phổ thông mà không tiếp tục học trung học chuyên nghiệp hoặc cao đẳng, đại học tập trung ở các vùng nông thôn, là nhóm lao động có sức cạnh tranh yếu do không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, cần có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, phát triển các khu công nghiệp thu hút nhiều lao động không đòi hỏi quá cao về tay nghề, ưu tiên đưa thanh niên đi xuất khẩu lao động theo hướng mở rộng thị trường, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, tự tạo việc làm trong thanh niên, ...

Đối với nhóm đối tượng thanh niên thất nghiệp, mất việc làm, hiện nay tập trung chủ yếu ở thành thị, có đặc thù là khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động kém do chưa

có nghề lại không có tư liệu sản xuất, khó có thể tự tạo việc làm, do vậy, cần phát triển mạnh hơn nữa các thành phần kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể, tiểu thương bằng các giải pháp khuyến khích và hỗ trợ người sử dụng lao động phát triển sản xuất - kinh doanh. Có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường đang cần; đặc biệt là cho thanh niên ven đô thị, nơi chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho công nghiệp và đô thị hoá. Tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên thất nghiệp, mất việc làm tiếp cận được các nguồn vốn vay giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo để tự tạo việc làm. Tăng cường hoạt động thông tin giới thiệu việc làm, hội chợ việc làm,...

Ba là, thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu giải quyết việc làm cho thanh niên; trong đó, có các chương trình thanh niên tình nguyện tham gia xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia hoặc các dự án lớn của Nhà nước, chương trình thanh niên lập thân, lập nghiệp, chương trình thanh niên tham gia xoá đói giảm nghèo, thanh niên tham gia xuất khẩu lao động.

Bốn là, cần thực hiện xã hội hoá trong giải quyết việc làm cho thanh niên. Đây không chỉ là chủ trương mà còn là giải pháp quan trọng để huy động mọi nguồn lực của xã hội vào giải quyết việc làm, là vấn đề vừa cơ bản, lâu dài vừa cấp thiết hiện nay ở nước ta, đặc biệt là đối với thanh niên. Xã hội hoá

trong giải quyết việc làm cho thanh niên là quá trình mở rộng sự tham gia của các chủ thể, các đối tác xã hội với các hình thức, phương thức đa dạng, linh hoạt nhằm huy động tối đa nguồn lực của cộng đồng, xã hội cùng Nhà nước tạo nhiều việc làm cho lao động xã hội, cho thanh niên.

Năm là, cần nâng cao vai trò của Chính phủ với vai trò chủ yếu là tạo khung khổ pháp luật; tổ chức, kiểm tra thực hiện, giám sát và cũng là người tổ chức, là “bà đỡ” tạo điều kiện cho thanh niên tự tạo việc làm hoặc tham gia thị trường lao động. Nhà nước không bao cấp, nhưng đầu tư của Nhà nước vào lĩnh vực dạy nghề, việc làm, giao dịch lao động là rất quan trọng, được coi là đầu tư cho phát triển. Đồng thời, mở rộng sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các đối tác xã hội nhằm tăng thêm nguồn lực cùng Nhà nước giải quyết vấn đề xã hội bức xúc nhất hiện nay là giải quyết việc làm cho thanh niên.

Sáu là, phát huy vai trò xung kích của tổ chức Đoàn Thanh niên trong giải quyết việc làm cho thanh niên. Đoàn Thanh niên cần tạo điều kiện và chủ động tham gia với Nhà nước hoàn thiện chính sách, thực hiện các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho thanh niên; đẩy mạnh phong trào thi đua “Tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”; trực tiếp quản lý và triển khai các chương trình, dự án cụ thể về dạy nghề, tạo việc làm, dịch vụ việc làm cho thanh niên,... theo hướng dẫn của Nhà nước.

Bảng: TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA THANH NIÊN NĂM 2000, 2003 VÀ NĂM 2006.

Đơn vị: %

Nhóm tuổi Năm	Tổng số			Nữ		
	Đủ việc làm	Thiếu việc làm	Thất nghiệp	Đủ việc làm	Thiếu việc làm	Thất nghiệp
Toàn quốc: 2000	70,5	27,2	2,3	71,1	26,7	2,2
2003	88,8	7,9	3,3	88,7	7,5	3,8
2006	87,4	6,2	6,4	87,4	6,1	6,5
Thành thị: 2000	66,8	26,9	6,3	65,9	27,9	6,2
2003	87,0	4,7	8,3	85,0	4,5	10,5
2006	87,1	2,1	10,8	83,4	2,2	14,4
Nông thôn: 2000	71,7	27,3	1,0	71,0	28,0	1,0
2003	90,0	7,0	3,0	89,6	8,2	2,2
2006	87,4	7,3	5,3	87,7	7,2	5,1